

HỘI ÁI HỮU BIÊN HOÀ

Website: <https://www.bienhoatx.com>

Email liên lạc: datlam1951@yahoo.com

Hội Ái Hữu Biên Hoà hân hạnh giới thiệu đến quý vị phần biên khảo tổng quát về **Lịch Sử Biên Hoà (1558-1975)** từ phần **1** đến **33** của đồng hương **Nguyễn Văn Đáng**, được khởi đăng trên diễn đàn. Hội chân thành cảm tạ tác giả. Kính mời quý vị.

Trân trọng.



LỊCH SỬ BIÊN HOÀ
(1558-1975)

PHẦN I:

Từ thời Trịnh-Nguyễn phân tranh đến lúc Tây Sơn khởi nghĩa

Cuối triều đại nhà Lê, năm 1558, có sự tranh chấp quyền lực giữa hai Chúa họ Trịnh và Nguyễn, lấy Sông Gianh chia biên giới từ Quảng Bình đến Phú Yên.

Cuộc nội chiến giữa Trịnh và Nguyễn khiến dân chúng phải gặp nhiều cảnh binh đao máu lửa, thêm vào đó sự khắc nghiệt của thời tiết thường bị mất mùa, sống trong lầm than, đói khổ triền miên, dân từ Quảng Bình trở ra, bảo nhau xuôi vô Nam-Miền Đàng Trong tìm đất sống.

Di dân lập nghiệp

Tiền thân của Biên Hoà vốn là một vùng đất hoang vu, rộng bao la chiếm gần hết cả miền Đông Nam Bộ. Vào thế kỷ thứ VI, có số dân sinh sống đông nhất là Phù-Nam, đến đầu thế kỷ thứ VII có dân Chân-Lạp (Cao-Miền) và nhiều sắc dân khác như: Stiêng, Mạ, Khơ-Ho, Chu-Rô ...v...v...sống rải rác nhiều nơi.

Dòng người Việt di cư, tránh nạn chiến tranh giữa Trịnh và Nguyễn, dừng lại ở Mô-Xoài. Nơi này xưa là một vùng đất của vua Chân-Lạp, đã tặng cho chúa Nguyễn Phúc Nguyên, để đền ơn đã dùng binh Đại Việt dẹp yên giặc Tiêm-La (Xiêm-La, Thái-Lan). Để cho việc làm ăn thuận lợi, khai thác đất đai khỏi bị sự đàn áp của thổ dân địa phương đối với số người mới định cư, vào năm 1620 Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên đồng ý gả người con gái thứ Hai là công chúa Ngọc Vạn cho vua Chân-Lạp (Cao-

Miên). Được vua sùng ái thương yêu, bà xin cho người Việt định cư tại Mô-Xoài (Bà-Rịa) được an cư tự do khai thác ruộng đất, đi lại tự do sang biên giới Chân-Lạp giao dịch buôn bán.

Năm 1679, bên nước Trung-Hoa ở vào thời nhà Minh bị nhà Mãn-Thanh cướp ngôi vua. Một số danh tướng nhà Minh không chịu thần phục nổi lên chống lại nhà Mãn-Thanh. Cuộc khởi nghĩa không thành, trong đó có tướng Trần Thượng-Xuyên tự Thăng-Tài là quan tổng binh các châu: Châu-Cao, Châu-Liêm, Châu-Lôi, và phó tướng Trần An-Bình, và tướng Trương Ngạn Địch là quan tổng binh đất Long Môn. Các ông cùng nhau, đem khoảng 3 ngàn binh sĩ và gia đình thân quyến trên 50 chiến thuyền, vượt biển từ Đài-Loan sang nước Đại-Việt, đến cửa Từ-Dung (Quảng Nam) xin hàng phục chúa Nguyễn. Lúc bấy giờ, thấy thuận lợi cho việc mở mang bờ cõi, chúa Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần cho phép họ vào Nam-Miền Đàng Trong.

Chuyến hải hành không may bị bão tố, nhóm Trần Thượng-Xuyên và Trần An-Bình, cập cửa biển Cần-Giờ, rồi ngược dòng sông đến định cư tạm ở vùng đất có thủy bộ (Bến Gỗ), sau đó họ di chuyển về lập nghiệp trên một cuộc đất cù lao (Cù Lao Phố). Nhóm Trương Ngạn Địch vào cửa Tiểu, cửa Đại đến định cư tại Mỹ-Tho.

Tướng Trần Thượng-Xuyên cùng đoàn tùy tùng, gia quyến ra công xây dựng vùng đất mới. Khởi đầu, chọn tên cho cuộc đất này là Cù Châu, họ ra công canh tác, xây phố chợ, mở đường giao thông, lập thương cảng, buôn bán với các nước ngoại quốc như Mã-Lai, Trung-Hoa, Nhật, Ấn-Độ, Bồ-Đào-Nha....và các vùng lân cận, ngày càng phồn thịnh. Danh xưng bấy giờ là Nông-Nại Đại Phố, (Cù Lao Phố ngày nay). Đặc biệt, Nông-Nại Đại Phố có

xây được ba con đường chính, mà đến nay hầu như mất dấu tích, đó là:

- 1 Đại-Nhai Phố, được xây bằng đá trắng.
- 2 Hoàn-Nhai Phố, được xây bằng đá ong đỏ.
- 3 Tiểu-Nhai Phố được xây bằng đá xanh.

Nhờ lợi thế phương tiện thủy lợi, lúc bấy giờ Nông-Nại Đại Phố trở nên một thương cảng sầm uất, một vùng đất mới âm no thịnh vượng nằm trong nước Chân-Lạp, ở miền Đàng Trong.

Sở bộ chánh thức nước Đại Việt.

Vào năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn Phúc Chu giao sứ mệnh cho Chương Cơ Thần Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ miền Đàng Trong. Ông đem luật pháp và nền hành chánh nhà Nguyễn áp dụng vào miền đất này. Ông chia làm hai dinh: Trấn-Biên Dinh (Biên Hoà sau này) và Phiên-Trấn Dinh (Gia Định sau này); và hai huyện: Phước Long (Biên Hoà) và Tân Bình (Sài-Gòn). Ông bổ nhiệm quan viên để cai trị, chiêu mộ dân từ Quảng Bình trở vào Nam lập nghiệp, rồi lập ra thôn xã, khai khẩn đất hoang. Người dân Trung Hoa ở Trấn-Biên (Biên Hoà) cho lập ra xã Thanh-Hà, những người ở đất Phiên-Trấn cho lập ra xã Minh-Hương. Tất cả dân đều được cho nhập vào sổ bộ dân số của nước Đại Việt.

Đất Đàng Trong, từ các cửa biển Cần Giờ, Lôi Hạp, cửa Đại, cửa Tiểu trở vào còn hàng ngàn dặm rừng hoang chưa được khai thác. Những người dân có thể lực khoẻ mạnh được chiêu mộ từ Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Qui Nhơn, di cư vào để ngã cây phá rừng trở thành mặt bằng lấy đất trồng trọt, xây dựng nhà ở, đàn ông con trai, đàn bà con gái lấy nhau, lập gia đình sanh con lớn lên nối nghiệp cày cấy sinh sống, nhờ vậy lúa mùa có nhiều lên. Hằng năm cứ đến tháng Mười, tháng Một, tháng Chạp, họ

xay lúa ra gạo trao đổi lấy tiền ăn Tết đầu năm mới. Sang năm sau, tháng Giêng họ trở lại tiếp tục công việc đồng áng. Đã có ăn no thì phải có mặc đẹp, họ đem bán gạo dùng tiền mua vải vóc, tơ lụa từ miền Bắc về may quần áo mới mặc trong những ngày Tết.

Sông ngòi có nhiều mặt, nhiều nhánh xuyên qua đất liền như mắc cửi, đi đường bộ không xuê, dân họ chế ra ghe thuyền để tiện lưu thông cho việc buôn bán. Với sự siêng năng, chỉ trong thời gian ngắn, họ đã khai thác được nhiều rừng hoang trở thành ruộng vườn phì nhiêu, tất cả đất đai khai khẩn được đều được ghi vào sổ bộ chánh thức sở hữu.

Thôn xã được bảo vệ như một lãnh thổ của nước Đại Việt, toàn dân sinh sống trong thanh bình và phát đạt, dân số lúc đó lên đến trên hai trăm ngàn người, gồm trong số hơn bốn chục ngàn gia đình. Diện tích đất đai kiểm soát được trên hàng ngàn dặm vuông.

Thanh bình không bao lâu, vào năm Kỷ-Mão (1699), vua Chân-Lạp (Cao-Miên) là Nặc-Ong-Thu, đem quân sang đánh phá vùng Trấn-Biên. Chúa Nguyễn Phúc Chu sai thần hầu Nguyễn Hữu Cảnh, cùng với tướng Trần Thượng-Xuyên đem chiến thuyền và quân binh đi dẹp giặc. Nguyễn Hữu Cảnh cho thủy binh đuổi theo quân Chân-Lạp đến tận thành La-Bích (Nam-Vang), đánh tan tành quân Chân-Lạp. Vua Nặc-Ong-Thu, từ đây xin hàng phục nước Việt, xin được tiếp tục triều cống theo thông lệ cũ. Nhờ đó thanh thế Đại Việt càng lan rộng từ vùng Trấn Biên đến nhiều nơi trên đất Chân Lạp, (Miền Tây vùng đồng bằng sông Cửu Long).

Trịnh-Nguyễn phân tranh

Khi Chúa Trịnh đánh lấy Phú Xuân thì cơ nghiệp của Chúa Nguyễn như xiêu đổ. Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát từ trần năm Ất-Dậu (1765), thái tử cũng mất. Tướng Trương Phúc Loan là con người tham lam, gây nhiều điều tội ác, ai cũng oán giận, cậy quyền thế làm bậy, ông đưa người con thứ 16 của Vũ Vương, chỉ mới có 12 tuổi lên làm chúa nối nghiệp cha. Nhân cơ hội đó, lúc ấy ở huyện Phù-Lý (ngày nay đổi lại là Phù-Cát), đất Quy Nhơn có người tên Nguyễn Nhạc, cùng với hai người em là Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ nổi lên chống lại Chúa Nguyễn.

Vào năm Canh- Mão (1771), ba anh em lập đồn trại ở đất Tây Sơn (nay là An-Khê), chiêu nạp binh sĩ. Thường họ đánh cướp lấy tài sản của những gia đình giàu có đem phân chia cho gia đình nghèo, nhờ vậy dân nghèo khổ kéo theo thần phục rất đông. Vốn là người mưu trí và can đảm, Nguyễn Nhạc trá hàng, bất ngờ đánh lấy thành Quy Nhơn. Được thành Quy Nhơn làm căn cứ điểm, bấy giờ lại nhờ có mấy khách buôn người Minh-Hương là Tập-Đình và Lý-Tài cũng mộ quân, theo giúp Tây Sơn. Nguyễn Nhạc chia ra là năm đồn là: Tiên, Trung, Hậu, Tả, Hữu rồi tiến đánh lấy Quảng Nam, chẳng bao lâu từ đất Quảng Ngãi đến Bình Thuận, đều thuộc về quyền cai trị của Tây Sơn.

Trong khi đó phía ngoài Bắc, tướng Hoàng Ngũ Phúc của Trịnh Sâm đánh lấy Phú Xuân, bắt Trương Phúc Loan. Chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuận không chống cự nổi dẫn cháu chạy vào Quảng Nam, đóng ở bên Ván rồi lập cháu là Nguyễn Phúc Dương lên làm Đông Cung Thái Tử, để chống giặc.

Quân Tây Sơn kéo vô đánh Quảng Nam, liệu không giữ được, chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuận, để Đông Cung Thái Tử ở lại Quảng Nam, dẫn theo người cháu thứ hai là Nguyễn Phúc Ánh,

xuống thuyền chạy vào Phiên Trấn (Gia Định), lánh nạn giặc Tây Sơn.

(Tiếp theo phần 2)